

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề	: Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
Mã ngành, nghề	: 6720602
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Liên thông – Vừa làm vừa học
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp trung cấp xét nghiệm
Thời gian đào tạo	: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo trình độ cao đẳng Xét nghiệm Y học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành ở trình độ cao đẳng để thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học, Truyền máu phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức

- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để thực hành nghề nghiệp theo quy định và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Giải thích và áp dụng được các nguyên lý, cơ chế để thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
- Có kiến thức về các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Trình bày được luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong học tập, thực hành kỹ thuật và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm.

- Thực hiện thành thạo các xét nghiệm về huyết học, truyền máu, hoá sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.
- Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.
- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm.
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.
- Tham gia quản lý được phòng xét nghiệm ở tuyến huyện.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp. Luôn ân cần, niềm nở chu đáo và nhiệt tình khi tiếp xúc hay hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Có tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và trung thực khi làm các xét nghiệm cho bệnh nhân
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo chuẩn khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

1.2.3. Thái độ

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành Y “Lương y như từ mẫu”.
- Trung thực, khách quan, chính xác và bảo đảm an toàn cho người bệnh trong thực hiện các công việc chuyên môn. Tích cực học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Tuân thủ các qui định về vô khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

1.3. Vị trí làm việc sau khi ra trường:

- Người sinh viên sau khi được cấp bằng tốt nghiệp có thể được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là:

+ Có thể làm những công việc chuyên môn tại các bệnh viện, các phòng khám khu vực có trang bị máy móc liên quan đến kỹ thuật xét nghiệm.

+ Có thể tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu tại các trường Đại học Y dược, cao đẳng Y tế, tại các học viện, viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 20 môn bắt buộc; 3 môn tự chọn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 46 tín chỉ; 1125 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 90 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1035 giờ;
- Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 266 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 728 giờ; Kiểm tra: 41 giờ
- Tỷ lệ LT-TH/ tổng số giờ học: 32% – 68%

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ							Ghi chú
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Số cột kiểm tra	
				TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	
I.	Các môn học chung/ đại cương	5	90	4	56	1	29	0	0	5	
6LT01	Chính trị - Pháp luật	3	45	3	42	0	0	0	0	3	
6LT03	Tiếng Anh	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(II)
II	Môn học chuyên môn	41	1035	19	266	16	464	6	264	41	
II.1	Các môn học cơ sở	2	30	2	28	0	0	0	0	2	
6LT14	Y đức	2	30	2	28	0	0	0	0	2	
II.2	Các môn học chuyên môn	35	915	15	210	14	406	6	264	35	
6LT20	Thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(II)
6260201	Huyết học tế bào	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260202	Huyết học đông máu	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260203	Huyết học truyền máu	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260204	Hóa sinh 1	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)

6260205	Hóa sinh 2	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260206	Hóa sinh 3	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260207	Vi sinh 1	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260208	Vi sinh 2	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260209	Vi sinh 3	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260210	Ký sinh trùng 1	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260211	Ký sinh trùng 2	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260212	Ký sinh trùng 3	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260213	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260214	Thực hành xét nghiệm 1	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6260215	Thực hành xét nghiệm 2	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6260216	Thực tập cuối khóa	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
II.3	<i>Môn học tự chọn: Sinh viên chọn 2 môn tương đương 4 tín chỉ</i>	4	90	2	28	2	58	0	0	4	
6260217	Hóa sinh 4	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260218	Vi sinh 4	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6260219	Ký sinh trùng 4	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
Tổng cộng		46	1125	23	322	17	493	6	264	46	

Ghi chú:

(!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

(||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học

(#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ.

2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinh viên phải tự học 1 giờ.

1 tín chỉ tương đương 1 cột kiểm tra.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Áp dụng theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.

- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học. Thời gian thực học được tính bằng thời gian tổ chức học tập các môn học. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng.

- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau :

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút ; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất $\frac{1}{2}$ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 3 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học

4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau
 - + Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, thực hành, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác của môn học được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.
 - + Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Số lần dự thi kết thúc môn học:
 - + Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.
 - + Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác
 - + Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng;
- Người học phải thi lại 01 lần/môn học nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu
- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

4.5. Điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Ngọc Thành